

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07/11/2023
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Việt

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị Đ, sinh năm 1999. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: ..., xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1991. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: ..., xã Chiềng Chung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị Đ trình bày như sau:

Chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn T kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La vào ngày 11/9/2018. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T mãi chơi không tu trí làm ăn, gia đình thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị Đ xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lò Nhật B, sinh ngày 25/8/2019. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Tại bản tự khai ngày 16/10/2023, anh Lò Văn T trình bày như sau:

Anh Lò Văn T và chị Lò Thị Đ kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La vào ngày 11/9/2018. Anh chị được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Đ anh T đồng ý vì xác định không thể tiếp tục chung sống.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lò Nhật B, sinh ngày 25/8/2019. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu B cho chị Đ nuôi dưỡng con chung đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng theo Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể, đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng cư trú. Yêu cầu các đương sự cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bị đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự

năm 2015; Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Về tình cảm: Xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lò Nhật B, sinh ngày 25/8/2019 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu B trưởng thành và có khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 05/10/2023, chị Lò Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lò Văn T, có nơi cư trú bản Nam, xã Chiềng Chung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Quá trình giải quyết vụ án, có tranh chấp với nhau về quan hệ hôn nhân. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn có ý kiến đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La vào ngày 11/9/2018. Do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp.

Theo chị Đ anh chị nảy sinh mâu thuẫn do anh T rượu chè không tu trí làm ăn, anh chị thường xuyên cãi vã, xô sát nhau. Theo anh Nhân mâu thuẫn xảy ra do tính tình hai bên không hợp nên mới cãi vã. Anh chị sống ly thân thời gian đã lâu không ai quan tâm đến ai. Anh chị đều xác nhận không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống. Chị Đ cương quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh T đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

Kết quả xác minh tại ban quản lý bản Nam, xã Chiềng Chung, huyện Mai Sơn xác định: Anh T chị Đ kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Hiện nay chị Đ và anh T không còn chung sống với nhau. Anh chị không qua hòa giải tại địa

phương nên Ban quản lý không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh chị. Anh chị có một con chung hiện ở cùng chị Đ.

Thời gian ly thân hai bên không liên lạc, không gặp gỡ và quan tâm gì đến nhau. Quá trình Tòa án tiến giải quyết vụ án, chị Đ đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế của anh chị, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn với anh T.

[2.2] *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là cháu Lò Nhật B, sinh ngày 25/8/2019. Hai bên đều đồng ý giao cháu B cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành và có khả năng lao động. Chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung của anh chị là phù hợp với điều kiện của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Chị Đ anh T xác định không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

[2.4] *Về án phí, lệ phí Tòa án*: Chị Đ là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Nhật B, sinh ngày 25/8/2019 cho chị Lò Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu B trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chấp nhận chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Chị Lò Thị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- UBND xã Púng Bánh, huyện Sốp Cộp;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 07 tháng 11 năm 2023.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Việt

2. Ông Hà Văn Sơ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 16/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị Đ, sinh năm 1999. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Nghiu, xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1991. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Nam, xã Chiềng Chung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng

- Các Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Việc giải quyết vụ án

2.1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn T.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.2. Về con chung:

Giao cháu Lò Nhật B, sinh ngày 25/8/2019 cho chị Lò Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu B trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chấp nhận chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.3. Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về án phí.

Chị Lò Thị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 07 tháng 11 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**